

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/DS-ST
Ngày: 28-12-2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Kiều
2. Ông Nguyễn Hồng Thơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Mên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2021/TLST-DS ngày 16/4/2021 về việc “tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2021/QĐXXST-DS ngày 15/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2021/QĐST-DS ngày 08/11/2021 và Thông báo (Về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa sơ thẩm) số 285/TB-TA ngày 29/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng Giám đốc. Địa chỉ: a, Phường b, Quận c, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông D: Bà Hồ Thị Minh T. Chức vụ Phó Giám đốc trung tâm thẻ, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/5/2020).

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Bùi Trung T – Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Chi nhánh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 844/2021/UQ-TTT ngày 23/11/2021. Có mặt

- Bị đơn: Bà Lưu Thị Ngọc D1, sinh năm x. Địa chỉ: d, tổ h, khóm n, Phường b, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Bùi Trung T trình bày:

Ngày 15/5/2012 bà D1 có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của bà D1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 8.000.000 đồng với mục đích tiêu xài cá nhân, thời hạn 03 năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 12.740.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà D1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.100.000 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở bà D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 23/7/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/7/2020 bà D1 còn nợ các khoản: Nợ gốc là 3,469,956 đồng, lãi quá hạn là 6,349,368 đồng. Tổng cộng: 9,819,324 đồng.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà D1 phải trả cho Ngân hàng tổng dư nợ tính đến ngày 25/7/2021 là 9,819,324 đồng tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Bùi Trung T đại diện yêu cầu bà D1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 3.469.956 đồng, lãi quá hạn 8.608.945 đồng. Tổng cộng 12.078.901 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng từ ngày 26/7/2021 cho đến khi bà D1 thanh toán hết số nợ.

Bị đơn Lưu Thị Ngọc D1:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lưu Thị Ngọc D1 nhưng tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án bà D1 vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng. Bị đơn bà Lưu Thị Ngọc D1 có địa chỉ tại Phường 4, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lưu Thị Ngọc D1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà Lưu Thị Ngọc D1, yêu cầu bà D1 trả số tiền còn thiếu theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/5/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/12/2021, gồm nợ gốc 3.469.956 đồng, lãi quá hạn 8.608.945 đồng. Tổng cộng 12.078.901 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay.

Xét trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng số 970403-4682, bà D1 đã thực hiện các giao dịch thanh toán với số tiền 12.740.000 đồng, lãi 15.857.901, phí 4.581.000 đồng. Đến ngày 22/7/2016 bà D1 đã thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc, lãi và phí được 21.100.000, còn nợ tiền gốc là 3.469.956 đồng, từ ngày 23/7/2016 bà D1 không thanh toán đúng như nghĩa vụ giao kết cho các giao dịch phát sinh đối với Ngân hàng là vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ của chủ thẻ tại hợp đồng nên căn cứ các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005) bà D1 phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Ngày 23/7/2016, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và thông báo yêu cầu bà D1 thanh toán nợ. Theo đó, Ngân hàng chuyển toàn bộ khoản nợ của thẻ mà bà D1 sử dụng 3.469.956 đồng do bà D1 không thanh toán số tiền tối thiểu là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 19 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S

Theo Bảng kê tính lãi khách hàng Lưu Thị Ngọc D1 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28/12/2021 của Ngân hàng, bà D1 còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 12.078.901 đồng, trong đó tiền gốc là 3.469.956 đồng, lãi quá hạn 8.608.945 đồng. Xét việc Ngân hàng tính các khoản lãi quá hạn nêu trên dựa vào các thỏa thuận đối với khách hàng là phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP);

Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S Buộc bà D1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng là 12.078.901 đồng, trong đó tiền gốc là 3.469.956 đồng, lãi quá hạn 8.608.945 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay theo Án lệ số 08/2016/AI về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S nên bị đơn bà Lưu Thị Ngọc D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 280, Điều 463 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AI về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S

Buộc bà Lưu Thị Ngọc D1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng là 12.078.901 đồng, trong đó tiền gốc là 3.469.956 đồng, lãi quá hạn là 8.608.945 đồng.

Bà Lưu Thị Ngọc D1 có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn thiếu theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 15/5/2012 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị Ngọc D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 603.945 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007966 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân